

Mẫu số 01-B

C.TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 278 /VBC-CBTT

TP Vinh, ngày 14 tháng 08 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Nhựa Bao bì Vinh thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: VBC.
- Địa chỉ: Khối 8 – Phường Bến Thủy – TP Vinh – Tỉnh Nghệ An.

Điện thoại liên hệ/Tel: 02383855524..... Fax: 02383.856007

- Email: thuvbc@gmail.com..... Website: nhuabaobivinh.com.

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2025.

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/08/2025 tại đường dẫn: nhuabaobivinh.com.

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2024.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....
- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

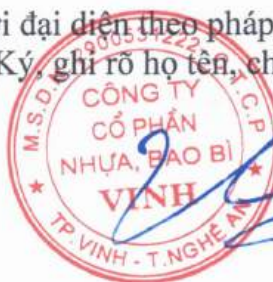
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên năm 2025

Đại diện tổ chức 

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Lê Xuân Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA, BAO BÌ VINH**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh tiền thân là nhà máy Nhựa Bao bì trực thuộc Công ty Hợp tác Kinh tế Quân khu 4 được cổ phần hóa theo Quyết định số 144/2002/QĐ-BQP ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000092 ngày 03 tháng 01 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An (nay là Sở Tài chính tỉnh Nghệ An) cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 06 lần được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi về người đại diện theo pháp luật, thay đổi mã số doanh nghiệp và vốn điều lệ, trong đó thay đổi lần thứ 06 ngày 13 tháng 9 năm 2017.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
- Điện thoại : 0238 3855524
- Fax : 0238 3856007

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: In bao bì; Sản xuất, mua bán bao bì xi măng; Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Ngô Quang Việt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 4 năm 2025
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 4 năm 2025
Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Phạm Nguyệt Minh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Xuân Thọ	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Trương Đắc Thành	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Đồng Thị Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Xuân Thọ	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022
Ông Trương Đắc Thành	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2022
Ông Phan Văn Toàn	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Xuân Thọ - Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



Lê Xuân Thọ

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Số: 2.0496/25/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 13 tháng 8 năm 2025, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		333.595.717.465	327.223.931.870
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.611.454.906	3.819.935.852
1. Tiền	111		3.611.454.906	3.819.935.852
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		196.332.511.802	222.310.041.237
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	196.283.410.964	222.584.929.639
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		208.439.721	154.788.098
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		467.228.505	196.890.888
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3	(626.567.388)	(626.567.388)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		112.333.193.277	85.777.310.826
1. Hàng tồn kho	141	V.4	112.333.193.277	85.777.310.826
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.318.557.480	15.316.643.955
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	1.086.014.981	1.146.486.631
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20.167.860.967	13.574.876.376
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8	64.681.532	595.280.948
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		66.543.362.062	72.872.896.562
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		63.034.036.081	69.435.961.344
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	63.034.036.081	69.435.961.344
- Nguyên giá	222		300.777.055.481	299.168.357.161
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(237.743.019.400)	(229.732.395.817)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.509.325.981	3.436.935.218
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	3.509.325.981	3.436.935.218
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		400.139.079.527	400.096.828.432

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		237.597.877.543	233.706.312.190
I. Nợ ngắn hạn	310		237.597.877.543	233.706.312.190
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	108.766.911.510	92.984.563.344
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		290.961.981	314.204.828
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	3.243.036.642	3.348.509.543
4. Phải trả người lao động	314		19.584.657.608	26.701.991.493
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.9	2.009.204.401	1.126.839.130
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	9.808.616.608	1.233.042.107
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	90.691.081.338	105.168.226.253
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.12	3.203.407.455	2.828.935.492
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		162.541.201.984	166.390.516.242
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	162.541.201.984	166.390.516.242
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		74.999.720.000	74.999.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		74.999.720.000	74.999.720.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.449.994.545	1.449.994.545
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(120.000)	(120.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		71.405.479.754	63.033.147.493
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.686.127.685	26.907.774.204
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	26.907.774.204
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		14.686.127.685	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		400.139.079.527	400.096.828.432

Lập, ngày 13 tháng 8 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Quế Lâm

Phan Văn Toàn



Lê Xuân Thọ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	418.272.334.873	383.211.273.852
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		311.100	64.842.460
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch	10		418.272.023.773	383.146.431.392
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	379.196.180.076	346.511.352.665
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.075.843.697	36.635.078.727
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	1.404.110.446	1.601.819.592
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	3.121.418.743	2.796.131.588
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.974.225.774	2.639.929.310
8. Chi phí bán hàng	25	VL.5	10.297.491.003	8.819.732.630
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL.6	8.798.568.538	9.450.607.718
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.262.475.859	17.170.426.383
11. Thu nhập khác	31		389.413.805	127.724.455
12. Chi phí khác	32		270.294.241	83.353.559
13. Lợi nhuận khác	40		119.119.564	44.370.896
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.381.595.423	17.214.797.279
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.8	3.695.467.738	3.457.602.616
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.686.127.685	13.757.194.663
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.7	1.535	1.030
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL.7	1.535	1.030

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 13 tháng 8 năm 2025

Giám đốc

Trần Thị Quế Lâm

Phan Văn Toàn



Lê Xuân Thọ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		470.120.141.029	408.489.284.049
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(358.921.065.035)	(322.003.471.222)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(65.168.744.814)	(63.381.691.366)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(2.998.636.564)	(2.643.367.083)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.8	(3.927.950.279)	(4.832.519.124)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		674.537.458	667.377.562
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(17.081.645.135)	(16.061.607.571)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22.696.636.660	234.005.245
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.807.547.719)	(8.056.961.632)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.807.547.719)	(8.056.961.632)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.11	390.843.879.180	365.447.473.777
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.11	(405.321.024.094)	(350.565.455.995)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.620.450.400)	(6.534.309.420)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(21.097.595.314)</i>	<i>8.347.708.362</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(208.506.373)	524.751.975
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.819.935.852	489.384.850
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		25.427	(15.023)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	3.611.454.906	1.014.121.802

Lập, ngày 13 tháng 8 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Quế Lâm

Phan Văn Toàn

Lê Xuân Thọ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: In bao bì; Sản xuất, mua bán bao bì xi măng; Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 814 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 886 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn của hợp đồng bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 15
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	02

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	354.324.719	204.984.270
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.257.130.187	3.614.951.582
Cộng	3.611.454.906	3.819.935.852

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	23.425.250.070	26.878.515.012
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	34.302.371.714	44.356.017.651
Công ty TNHH Bê tông Kaito Việt Nam	39.477.065.121	29.436.270.318
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Xuân Thành	20.933.475.565	21.367.010.765
Các khách hàng khác	78.145.248.494	100.547.115.893
Cộng	196.283.410.964	222.584.929.639

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trong đó:

Phải thu khách hàng khu vực trong nước	184.963.374.209	199.626.269.204
Phải thu khách hàng khu vực nước ngoài	11.320.036.755	22.958.660.435
Cộng	196.283.410.964	222.584.929.639

Toàn bộ khoản phải thu luân chuyển cuối kỳ đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (Xem thuyết minh V.11).

3. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Polyester Fabric SDN BHD	231.729.024	(112.787.000)	225.574.001	(112.787.000)
Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Thừa Thiên Huế	1.087.767.911	(513.780.388)	1.087.767.911	(513.780.388)
Cộng	1.319.496.935	(626.567.388)	1.313.341.912	(626.567.388)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	626.567.388	341.330.375
Trích lập dự phòng bổ sung	-	587.230.443
Số cuối kỳ	626.567.388	928.560.818

4. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	1.210.720.500	-	215.684.025	-
Nguyên liệu, vật liệu	50.251.910.380	-	36.049.726.087	-
Công cụ, dụng cụ	3.764.577.637	-	3.801.981.211	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	44.660.566.108	-	39.295.829.561	-
Thành phẩm	12.445.418.652	-	6.414.089.942	-
Cộng	112.333.193.277	-	85.777.310.826	-

Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển cuối kỳ tại 3 nhà máy đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (Xem thuyết minh V.11).

5. Chi phí trả trước

5a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	186.312.974	676.575.616
Chi phí bảo hiểm	61.900.601	217.528.117
Chi phí sửa chữa	546.535.849	236.341.238
Chi phí thuê đất	252.585.000	-
Các chi phí khác	38.680.557	16.041.660
Cộng	1.086.014.981	1.146.486.631

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.003.851.737	711.031.226
Chi phí sửa chữa	297.080.443	462.529.432
Chi phí thuê đất (*)	2.208.393.801	2.263.374.560
Cộng	3.509.325.981	3.436.935.218

(*) Là tiền thuê đất nhà máy 2 tại khu công nghiệp Gia Lách, xã Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh từ ngày 01/04/2011 đến ngày 01/08/2045, được bù trừ với tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mà Công ty đã chi.

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	58.579.891.019	230.381.035.869	9.127.808.130	1.029.332.143	50.290.000	299.168.357.161
Mua trong kỳ	-	705.713.320	902.985.000	-	-	1.608.698.320
Số cuối kỳ	58.579.891.019	231.086.749.189	10.030.793.130	1.029.332.143	50.290.000	300.777.055.481
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	30.365.013.431	105.014.302.988	7.665.104.909	1.029.332.143	50.290.000	144.124.043.471
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	48.392.409.985	172.235.624.109	8.024.739.580	1.029.332.143	50.290.000	229.732.395.817
Khấu hao trong kỳ	1.129.857.154	6.458.120.883	422.645.546	-	-	8.010.623.583
Số cuối kỳ	49.522.267.139	178.693.744.992	8.447.385.126	1.029.332.143	50.290.000	237.743.019.400
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	10.187.481.034	58.145.411.760	1.103.068.550	-	-	69.435.961.344
Số cuối kỳ	9.057.623.880	52.393.004.197	1.583.408.004	-	-	63.034.036.081
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 47.201.828.001 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng (Xem thuyết minh V.11).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.450.069.830</i>	<i>1.928.704.068</i>
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh	1.450.069.830	1.928.704.068
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>107.316.841.680</i>	<i>91.055.859.276</i>
Công ty Cổ phần Kanetora	16.912.800.000	-
Công ty TNHH MTV Marubeni Việt Nam	16.391.700.000	5.961.600.000
Công ty TNHH Minh Hoàng	12.340.888.280	13.500.670.306
Công ty TNHH MTV Thương mại Tuấn Tài	11.616.067.656	-
Công ty TNHH Thành Dũng	10.319.201.580	5.942.724.408
Công ty Cổ phần Hóa chất nhựa Đà Nẵng	8.781.400.000	11.364.850.000
Công ty TNHH Đông Á Bắc Ninh	4.070.145.024	28.847.069.460
Các nhà cung cấp khác	26.884.639.140	25.438.945.102
Cộng	108.766.911.510	92.984.563.344

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	3.486.523.547	(3.486.523.547)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	32.143.864	(32.143.864)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.348.509.543	-	3.695.467.738	(3.927.950.279)	3.116.027.002	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	572.542.888	1.110.147.414	(602.286.058)	-	64.681.532
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	22.738.060	505.170.000	(355.422.300)	127.009.640	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Cộng	3.348.509.543	595.280.948	8.833.452.563	(8.408.326.048)	3.243.036.642	64.681.532

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.381.595.423	17.214.797.279
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	120.968.602	126.071.852
- Các khoản điều chỉnh giảm	(25.225.333)	(52.856.052)
Thu nhập chịu thuế	18.477.338.692	17.288.013.079
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.695.467.738	3.457.602.616

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế. Trong đó:

- Tiền thuê đất nhà máy 1 tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An với diện tích 11.794,5 m² là 505.170.230 VND/năm.
- Tiền thuê đất nhà máy 2 tại khu công nghiệp Gia Lách, xã Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh là 109.961.517 VND/năm được bù trừ với tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mà Công ty đã chi ra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

9. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương phép, lương năng suất phải trả	1.958.180.548	-
Chi phí lãi vay phải trả	51.023.853	75.434.643
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	1.051.404.487
Cộng	2.009.204.401	1.126.839.130

10. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	6.976.659.600	94.342.709
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế - Cổ tức phải trả	6.879.477.600	-
Phụ cấp HĐQT, BKS	97.182.000	94.342.709
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2.831.957.008	1.138.699.398
Kinh phí công đoàn	1.363.272.039	1.128.216.875
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	214.684.424	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.254.000.545	10.482.523
Cộng	9.808.616.608	1.233.042.107

11. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	75.676.743.433	94.162.588.348
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An ⁽ⁱ⁾	68.051.743.433	76.415.614.085
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh ⁽ⁱⁱ⁾	7.625.000.000	17.746.974.263
Vay ngắn hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱⁱ⁾	14.962.000.000	9.962.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	52.337.905	1.043.637.905
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An	-	886.800.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh	52.337.905	156.837.905
Cộng	90.691.081.338	105.168.226.253

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An để bổ sung vốn lưu động với hạn mức cho vay không vượt quá 140 tỷ VND và 4.000.000 USD; lãi suất quy định trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng lần tối đa không quá 4 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất; tài sản cố định là máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của Công ty và toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Vinh để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức cho vay không vượt quá 65 tỷ VND; lãi suất vay quy định trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng lần tối đa không quá 5 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng một số quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; tài sản cố định là máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của Công ty.
- (iii) Vay tín chấp các cá nhân để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 6%/năm, thời hạn vay dưới 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	94.162.588.348	9.962.000.000	1.043.637.905	105.168.226.253
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	385.835.255.579	5.000.000.000	-	390.835.255.579
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(404.329.724.094)	-	(991.300.000)	(405.321.024.094)
CLTG do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ	8.623.601	-	-	8.623.601
Cộng	75.676.743.433	14.962.000.000	52.337.905	90.691.081.338

12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.117.655.159	1.740.786.589	-	2.858.441.748
Quỹ phúc lợi	1.711.280.333	3.061.835.374	(4.428.150.000)	344.965.707
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	-	232.891.980	(232.891.980)	-
Cộng	2.828.935.492	5.035.513.943	(4.661.041.980)	3.203.407.455

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu

13a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	54.612.315.540	26.744.439.843	157.806.349.928
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	13.757.194.663	13.757.194.663
Trích lập các quỹ	-	-	-	8.420.831.953	(13.244.511.843)	(4.823.679.890)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.499.928.000)	(13.499.928.000)
Số dư cuối kỳ trước	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	63.033.147.493	13.757.194.663	153.239.936.701
Số dư đầu năm nay	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	63.033.147.493	26.907.774.204	166.390.516.242
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	14.686.127.685	14.686.127.685
Trích lập các quỹ	-	-	-	8.372.332.261	(13.407.846.204)	(5.035.513.943)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.499.928.000)	(13.499.928.000)
Số dư cuối kỳ này	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	71.405.479.754	14.686.127.685	162.541.201.984

13b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng công ty Hợp tác kinh tế	38.219.320.000	38.219.320.000
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	26.133.190.000	26.133.190.000
Các cổ đông khác	10.647.090.000	10.647.090.000
Cộng	74.999.600.000	74.999.600.000

13c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.499.972	7.499.972
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	7.499.972	7.499.972
- Cổ phiếu phổ thông	7.499.972	7.499.972
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	12	12
- Cổ phiếu phổ thông	12	12
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.499.960	7.499.960
- Cổ phiếu phổ thông	7.499.960	7.499.960
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

13d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025, như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông (18% Vốn điều lệ)	: 13.499.928.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% Lợi nhuận sau thuế)	: 8.372.332.261
• Trích quỹ khen thưởng	: 1.740.786.589
• Trích bổ sung quỹ phúc lợi (Năm 2024 đã tạm trích 1.000.000.000 VND)	: 3.061.835.374
• Trích thưởng ban quản lý điều hành	: 232.891.980

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ****14a. Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 135,21 USD (số đầu năm là 7.298,05 USD).

14b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Trường Yên	258.997.370	258.997.370
Công ty Cổ phần Bình Đình Constrexim	232.470.000	232.470.000
Cộng	491.467.370	491.467.370

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	20.222.609.319	5.076.749.229
Doanh thu bán thành phẩm	398.049.725.554	378.134.524.623
Cộng	418.272.334.873	383.211.273.852

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	17.679.812.288	4.668.790.643
Giá vốn của thành phẩm đã bán	361.516.367.788	341.842.562.022
Cộng	379.196.180.076	346.511.352.665

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	14.452.607	1.569.284
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.384.065.878	1.467.456.432
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	5.591.961	132.793.876
Cộng	1.404.110.446	1.601.819.592

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.974.225.774	2.639.929.310
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	129.633.618	143.206.327
Chi phí tài chính khác	17.559.351	12.995.951
Cộng	3.121.418.743	2.796.131.588

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	844.813.577	672.905.952
Chi phí vật liệu, bao bì	1.550.304.833	1.530.598.526
Chi phí khấu hao tài sản cố định	349.358.604	36.698.586
Chi phí vận chuyển	5.329.378.151	5.654.717.743
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.414.776.307	295.795.457
Các chi phí khác	808.859.531	629.016.366
Cộng	10.297.491.003	8.819.732.630

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.053.897.195	4.925.189.768
Chi phí vật liệu quản lý	242.093.236	323.506.319
Chi phí đồ dùng văn phòng	94.167.281	121.724.322
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.279.001	7.300.002
Thuế, phí và lệ phí	328.365.033	105.079.925
Dự phòng phải thu khó đòi	-	587.230.443
Chi phí dịch vụ mua ngoài	363.145.854	332.648.337
Các chi phí khác	2.705.620.938	3.047.928.602
Cộng	8.798.568.538	9.450.607.718

7. Lãi trên cổ phiếu

7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước (*)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.686.127.685	13.757.194.663
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban quản lý điều hành (*)	(3.176.116.009)	(6.035.513.943)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	11.510.011.676	7.721.680.720
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	7.499.960	7.499.960
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.535	1.030

(*) Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025. Việc tính toán lại này làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước giảm từ 1.432 VND xuống 1.030 VND.

Để phục vụ mục đích trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ này, quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban quản lý điều hành được tạm tính theo tỷ lệ lần lượt là 6%, 15% và 0,8% lợi nhuận sau thuế kỳ này của Công ty. Tỷ lệ này được xác định theo mức trích của năm 2024.

7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	282.264.932.385	274.621.321.532
Chi phí nhân công	70.390.721.583	64.827.585.822
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.010.623.583	7.629.733.266
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.273.508.041	25.047.306.235
Chi phí khác	5.068.706.994	5.354.599.795
Cộng	392.008.492.586	377.480.546.650

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.10.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này					
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc					
Ông Ngô Quang Việt	Chủ tịch (từ 04/4/2025)	-	-	18.720.000	18.720.000
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Chủ tịch (đến 04/4/2025)	114.105.865	43.905.866	-	158.011.731
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên/Giám đốc	231.105.865	43.905.866	28.080.000	303.091.731
Ông Trương Đắc Thành	Thành viên/Phó Giám đốc	202.399.013	38.179.013	28.080.000	268.658.026
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	26.458.056	26.725.309	28.080.000	81.263.365
Bà Phạm Nguyệt Minh	Thành viên	26.458.056	26.725.309	28.080.000	81.263.365
Ông Phan Văn Toàn	Kế toán trưởng	175.405.309	26.725.309	-	202.130.618
Ban Kiểm soát					
Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	175.405.309	26.725.309	-	202.130.618
Bà Đồng Thị Hà	Thành viên	-	-	22.302.000	22.302.000
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	-	-	22.302.000	22.302.000
Cộng		951.337.473	232.891.980	175.644.000	1.359.873.453

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Chức danh	Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ trước					
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc					
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Chủ tịch (đến 04/4/2025)	210.600.000	36.558.030	-	247.158.030
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên/Giám đốc	187.200.000	40.039.748	28.080.000	255.319.748
Ông Trương Đắc Thành	Thành viên/Phó Giám đốc	164.220.000	33.076.313	28.080.000	225.376.313
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	-	24.372.020	28.080.000	52.452.020
Bà Phạm Nguyệt Minh	Thành viên	-	24.372.020	28.080.000	52.452.020
Ông Phan Văn Toàn	Kế toán trưởng	148.680.000	26.112.879	-	174.792.879
Ban Kiểm soát					
Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	148.680.000	24.372.020	-	173.052.020
Bà Đồng Thị Hà	Thành viên	-	-	22.302.000	22.302.000
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	-	-	22.302.000	22.302.000
Cộng		859.380.000	208.903.031	156.924.000	1.225.207.031

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sông Đà Trường Sơn	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần An Tiến Industry	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol Pte Ltd	Công ty con của Cổ đông lớn
An Thanh Bicsol Singapore Pte., Ltd	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh	Công ty con của Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty phát sinh các giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Sông Đà Trường Sơn		
Mua hàng hóa	-	338.587.425
Công ty Nhựa Bao bì An Vinh		
Mua hàng hóa	5.097.448.250	191.915.300
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế		
Chia cổ tức cho Công ty mẹ	6.879.477.600	6.879.477.600
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh		
Chia cổ tức	4.703.974.200	4.703.974.200

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.7 và V.10.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	317.633.375.434	100.638.648.339	418.272.023.773
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	317.633.375.434	100.638.648.339	418.272.023.773
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	21.161.264.909	7.617.087.785	28.778.352.694
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(8.798.568.538)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			19.979.784.156
Doanh thu hoạt động tài chính			1.404.110.446
Chi phí tài chính			(3.121.418.743)
Thu nhập khác			389.413.805
Chi phí khác			(270.294.241)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(3.695.467.738)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			14.686.127.685
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	287.846.369.368	95.300.062.024	383.146.431.392
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	287.846.369.368	95.300.062.024	383.146.431.392
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	21.584.342.541	6.231.003.556	27.815.346.097
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(9.450.607.718)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			18.364.738.379
Doanh thu hoạt động tài chính			1.601.819.592
Chi phí tài chính			(2.796.131.588)
Thu nhập khác			127.724.455
Chi phí khác			(83.353.559)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(3.457.602.616)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			13.757.194.663

Toàn bộ Tài sản và nợ phải trả của Công ty đều phát sinh chủ yếu tại khu vực trong nước và phục vụ đồng thời cả thị trường trong nước và xuất khẩu. Các khoản phải thu khách hàng khu vực nước ngoài được trình bày tại Thuyết minh V.2.

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là bao bì và vật tư bao bì.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Số 18, đường Phong Đình Cảng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 13 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu



Trần Thị Quế Lâm

Kế toán trưởng



Phan Văn Toàn



Lê Xuân Thọ

Number: 278/VBC-CBTT

Vinh City, date 14 Augus 2025

**REGULAR DISCLOSURE OF INFORMATION ON
FINANCIAL REPORTS**

To: Hanoi Stock Exchange

Implementing the regulations in Clause 3, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, Vinh Plastic Packaging Joint Stock Company carries out the announcement Semi-annual financial report 2025 with the Hanoi Stock Exchange is as follows:

1. Organization name:

- Stock code: VBC.
- Address: Block 8 – Ben Thuy Ward – Vinh City – Nghe An Province.
- Contact phone/Tel: 02383855524..... Fax: 02383.856007
- Email: thuvbc@gmail.com..... Website: nhuabaobivinh.com.

2. Content of published information:

- Semi-annual financial report 2025

☒ Separate financial statements (TCNY has no subsidiaries and the superior accounting unit has affiliated units;

☐ Consolidated financial statements (TCNY has subsidiaries);

☐ General financial statements (TCNY has an affiliated accounting unit that organizes its own accounting apparatus).

- Cases subject to explanation of causes:

+ The auditing organization gives an opinion that is not a full acceptance opinion on the financial statements (for audited financial statements in 2024):

☐ Yes

☒ No

Written explanation in case of accumulation:

☐ Yes

☐ No

+ Profit after tax in the reporting period has a difference of 5% or more before and after auditing, changing from loss to profit or vice versa (for audited financial statements in 2024):

☐ Yes

☒ No

Written explanation in case of accumulation:

☐ Yes

☐ No

+ Profit after corporate income in the business results report of the reporting period changes by 10% or more compared to the same period report of the previous year:

☐ Yes

☒ No

Written explanation in case of accumulation:

☐ Yes

☐ No

+ Profit after tax in the reporting period is at a loss, changing from profit in the same period last year to loss in this period or vice versa:

☐ Yes

☒ No

Written explanation in case of accumulation:

☐ Yes

☐ No

This information was announced on the company's website on 14/08/2025. at the link: Nhuabaobivinh.com.

3. Report on transactions with a value of 35% or more of total assets in 2025.

In case the Company has a transaction, please report the following contents in full:

• Transaction content:

• Proportion of transaction value/total asset value of the enterprise (%) (based on the most recent financial report);.....

• Transaction completion date:.....

We hereby commit that the information disclosed above is true and are fully responsible before the law for the content of the disclosed information.

Attached documents:

- Semi-annual financial report 2025.

Organization representative 

Legal representative

(Sign, clearly state full name, position, and seal)



GIÁM ĐỐC

Lê Xuân Thọ

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

**FOR THE FIRST 6 MONTHS OF THE FISCAL YEAR
ENDED 31 DECEMBER 2025**

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

CONTENTS

	Page
1. Contents	1
2. Statement of the Board of Management	2 - 3
3. Report on Review of Interim Financial Information	4
4. Interim Balance Sheet as at 30 June 2025	5 - 8
5. Interim Income Statement for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025	9
6. Interim Cash Flow Statement for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025	10 - 11
7. Notes to the Interim Financial Statements for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025	12 - 29



STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of Vinh Plastic and Bags Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") presents this statement together with the Interim Financial Statements for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025.

Business highlights

Vinh Plastic and Bags Joint Stock Company, formerly known as Vinh Plastic Factory under Economic Cooperation Corporation of Region 4, was equitized in accordance with the Decision No. 144/2002/QĐ-BQP dated 10 October 2022 of the Defense Minister. The Company has been operating in accordance with the Business Registration Certificate No. 2703000092 dated 3 January 2003 granted by the Department of Planning and Investment of Nghe An Province (now known as the Department of Finance of Nghe An Province).

During its operation, the Company has been additionally 6 times granted with the amended Business Registration Certificates regarding the changes in legal representative, enterprise code and charter capital, in which, the 6th amendment dated 13 September 2017.

Head office

- Address : No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province
- Telephone : 0238 3855524
- Fax : 0238 3856007

The principal business activities of the Company include printing packaging; manufacturing and trading cement bags, PP, PE bags and plastic products.

Board of Directors and Executive Officers

The members of the Board of Directors, the Board of Supervisors and the Executive Officers of the Company during the period and as of the date of this statement include:

Board of Directors

Full name	Position	Appointing date/re-appointing date/resigning date
Mr. Ngo Quang Viet	Chairman	Appointed on 4 April 2025
Mr. Nguyen Huu Son	Chairman	Resigned on 4 April 2025
Mr. Nguyen Trung Kien	Member	Re-appointed on 28 April 2022
Ms. Pham Nguyet Minh	Member	Re-appointed on 28 April 2022
Mr. Le Xuan Tho	Member	Re-appointed on 28 April 2022
Mr. Truong Dac Thanh	Member	Appointed on 18 April 2023

Board of Supervisors ("BOS")

Full name	Position	Appointing date/re-appointing date
Mr. Tran Ngoc Sam	Head of BOS	Re-appointed on 28 April 2022
Ms. Nguyen Thi Minh Trang	Member	Re-appointed on 28 April 2022
Ms. Dong Thi Ha	Member	Appointed on 18 April 2023

Board of Management and Chief Accountant

Full name	Position	Appointing date/re-appointing date
Mr. Le Xuan Tho	Director	Re-appointed on 4 May 2022
Mr. Truong Dac Thanh	Deputy Director	Appointed on 3 November 2022
Mr. Phan Van Toan	Chief Accountant	Re-appointed on 4 May 2022

Legal representative

The legal representative of the Company during the period and as of the date of this statement is Mr. Le Xuan Tho - Director.

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT (cont.)

Auditor

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. has been appointed to perform the review on the Interim Financial Statements for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025 of the Company.

Responsibilities of the Board of Management

The Board of Management is responsible for the preparation of the Interim Financial Statements to give a true and fair view on the financial position, the financial performance and the cash flows of the Company during the period. In order to prepare these Interim Financial Statements, the Board of Management must:

- Select appropriate accounting policies and apply them consistently;
- Make judgments and estimates reasonably and prudently;
- State clearly whether the accounting standards applied to the Company are followed or not, and all the material differences from these standards are disclosed and explained in the Interim Financial Statements;
- Prepare the Interim Financial Statements of the Company on the going-concern basis, except for the cases that the going-concern assumption is considered inappropriate; and
- Design and implement effectively the internal control system to minimize the risks of material misstatements due to frauds or errors in the preparation and presentation of the Interim Financial Statements.

The Board of Management hereby ensures that all the proper accounting books of the Company have been fully recorded and can fairly reflect the financial position of the Company at any time, and that all the accounting books have been prepared in compliance with the applicable Accounting System. The Board of Management is also responsible for managing the Company's assets and consequently has taken appropriate measures to prevent and detect frauds and other irregularities.

The Board of Management hereby commits to the compliance with the aforementioned requirements in preparation of the Interim Financial Statements.

Approval on the Financial Statements

The Board of Management hereby approves the accompanying Interim Financial Statements, which give a true and fair view of the financial position as at 30 June 2025, the financial performance and the cash flows for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025 of the Company in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Interim Financial Statements.

For and on behalf of the Board of Management,

Director



Le Xuan Tho

13 August 2025

102.
H
Y
OU HA
TU VA
OL
HA

No. 2.0496/25/TC-AC

REPORT ON REVIEW OF INTERIM FINANCIAL INFORMATION

THE SHAREHOLDERS, THE BOARD OF DIRECTORS AND THE BOARD OF MANAGEMENT VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

We have reviewed the accompanying Interim Financial Statements of Vinh Plastic and Bags Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company"), which were prepared on 13 August 2025, from page 5 to page 29, including the Interim Balance Sheet as at 30 June 2025, the Interim Income Statement, the Interim Cash Flow Statement for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025 and the Notes to the Interim Financial Statements.

Responsibility of the Board of Management

The Company's Board of Management is responsible for the preparation, true and fair presentation of the Company's Interim Financial Statements in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Interim Financial Statements; and responsible for the internal control as the Board of Management determines necessary to enable the preparation and presentation of the Interim Financial Statements to be free from material misstatement due to fraud or error.

Responsibility of Auditors

Our responsibility is to express a conclusion on the Interim Financial Statements based on our review. We conducted our review in accordance with the Vietnamese Standard on Review Engagements No. 2410 – Review of Interim Financial Information Performed by the Independent Auditor of the Entity.

A review of interim financial information consists of making inquiries, primarily of persons responsible for financial and accounting matters, and applying analytical and other review procedures. A review is substantially less in scope than an audit conducted in accordance with the Vietnamese Standards on Auditing and therefore, it does not enable us to obtain a reasonable assurance that we would become aware of all significant matters that might be identified in an audit. Accordingly, we do not express our audit opinion.

Conclusion of Auditors

Based on our review, nothing has come to our attention that causes us to believe that the accompanying Interim Financial Statements do not give a true and fair view, in all material respects, of the financial position as at 30 June 2025 of Vinh Plastic and Bags Joint Stock Company, its financial performance and its cash flows for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025 in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Interim Financial Statements.

Other matter

The Report on review of the Company's Interim Financial Statements for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025 has been prepared in both Vietnamese and English. In the event of any discrepancy between the two versions, the Vietnamese version shall prevail.

For and on behalf of

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd.

Hanoi Branch



Nguyen Thi Tu - Partner

Audit Practice Registration Certificate: No. 0059-2023-008-1

Authorized Signatory



VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

INTERIM BALANCE SHEET

(Full form)

As at 30 June 2025

Unit: VND

ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
A - CURRENT ASSETS	100		333,595,717,465	327,223,931,870
I. Cash and cash equivalents	110	V.1	3,611,454,906	3,819,935,852
1. Cash	111		3,611,454,906	3,819,935,852
2. Cash equivalents	112		-	-
II. Short-term financial investments	120		-	-
1. Trading securities	121		-	-
2. Provisions for diminution in value of trading securities	122		-	-
3. Held-to-maturity investments	123		-	-
III. Short-term receivables	130		196,332,511,802	222,310,041,237
1. Short-term trade receivables	131	V.2	196,283,410,964	222,584,929,639
2. Short-term prepayments to suppliers	132		208,439,721	154,788,098
3. Short-term inter-company receivables	133		-	-
4. Receivables based on the progress of construction contracts	134		-	-
5. Receivables for short-term loans	135		-	-
6. Other short-term receivables	136		467,228,505	196,890,888
7. Allowance for short-term doubtful debts	137	V.3	(626,567,388)	(626,567,388)
8. Shortage of assets awaiting resolution	139		-	-
IV. Inventories	140		112,333,193,277	85,777,310,826
1. Inventories	141	V.4	112,333,193,277	85,777,310,826
2. Allowance for devaluation of inventories	149		-	-
V. Other current assets	150		21,318,557,480	15,316,643,955
1. Short-term prepaid expenses	151	V.5a	1,086,014,981	1,146,486,631
2. Deductible VAT	152		20,167,860,967	13,574,876,376
3. Taxes and other receivables from the State	153	V.8	64,681,532	595,280,948
4. Trading Government bonds	154		-	-
5. Other current assets	155		-	-

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Interim Balance Sheet (cont.)

ASSETS		Code	Note	Ending balance	Beginning balance
B- NON-CURRENT ASSETS		200		66,543,362,062	72,872,896,562
I. Long-term receivables		210		-	-
1. Long-term trade receivables		211		-	-
2. Long-term prepayments to suppliers		212		-	-
3. Working capital in affiliates		213		-	-
4. Long-term inter-company receivables		214		-	-
5. Receivables for long-term loans		215		-	-
6. Other long-term receivables		216		-	-
7. Allowance for long-term doubtful debts		219		-	-
II. Fixed assets		220		63,034,036,081	69,435,961,344
1. Tangible fixed assets		221	V.6	63,034,036,081	69,435,961,344
- <i>Historical costs</i>		222		300,777,055,481	299,168,357,161
- <i>Accumulated depreciation</i>		223		(237,743,019,400)	(229,732,395,817)
2. Finance lease assets		224		-	-
- <i>Historical costs</i>		225		-	-
- <i>Accumulated depreciation</i>		226		-	-
3. Intangible fixed assets		227		-	-
- <i>Historical costs</i>		228		-	-
- <i>Accumulated amortization</i>		229		-	-
III. Investment properties		230		-	-
- <i>Historical costs</i>		231		-	-
- <i>Accumulated depreciation</i>		232		-	-
IV. Long-term assets in progress		240		-	-
1. Long-term work in progress		241		-	-
2. Construction-in-progress		242		-	-
V. Long-term financial investments		250		-	-
1. Investments in subsidiaries		251		-	-
2. Investments in joint ventures and associates		252		-	-
3. Investments in other entities		253		-	-
4. Provisions for diminution in value of long-term financial investments		254		-	-
5. Held-to-maturity investments		255		-	-
VI. Other non-current assets		260		3,509,325,981	3,436,935,218
1. Long-term prepaid expenses		261	V.5b	3,509,325,981	3,436,935,218
2. Deferred income tax assets		262		-	-
3. Long-term components and spare parts		263		-	-
4. Other non-current assets		268		-	-
TOTAL ASSETS		270		400,139,079,527	400,096,828,432

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Interim Balance Sheet (cont.)

RESOURCES	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
C - LIABILITIES	300		237,597,877,543	233,706,312,190
I. Current liabilities	310		237,597,877,543	233,706,312,190
1. Short-term trade payables	311	V.7	108,766,911,510	92,984,563,344
2. Short-term advances from customers	312		290,961,981	314,204,828
3. Taxes and other obligations to the State Budget	313	V.8	3,243,036,642	3,348,509,543
4. Payables to employees	314		19,584,657,608	26,701,991,493
5. Short-term accrued expenses	315	V.9	2,009,204,401	1,126,839,130
6. Short-term inter-company payables	316		-	-
7. Payables based on the progress of construction contracts	317		-	-
8. Short-term unearned revenue	318		-	-
9. Other short-term payables	319	V.10	9,808,616,608	1,233,042,107
10. Short-term borrowings and finance leases	320	V.11	90,691,081,338	105,168,226,253
11. Short-term provisions	321		-	-
12. Bonus and welfare funds	322	V.12	3,203,407,455	2,828,935,492
13. Price stabilization fund	323		-	-
14. Trading Government bonds	324		-	-
II. Non-current liabilities	330		-	-
1. Long-term trade payables	331		-	-
2. Long-term advances from customers	332		-	-
3. Long-term accrued expenses	333		-	-
4. Inter-company payables for working capital	334		-	-
5. Long-term inter-company payables	335		-	-
6. Long-term unearned revenue	336		-	-
7. Other long-term payables	337		-	-
8. Long-term borrowings and finance leases	338		-	-
9. Convertible bonds	339		-	-
10. Preferred shares	340		-	-
11. Deferred income tax liabilities	341		-	-
12. Long-term provisions	342		-	-
13. Science and technology development fund	343		-	-

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Interim Balance Sheet (cont.)

RESOURCES	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
D - OWNER'S EQUITY	400		162,541,201,984	166,390,516,242
I. Owner's equity	410	V.13	162,541,201,984	166,390,516,242
1. Owner's contribution capital	411		74,999,720,000	74,999,720,000
- Ordinary shares carrying voting right	411a		74,999,720,000	74,999,720,000
- Preferred shares	411b		-	-
2. Share premiums	412		1,449,994,545	1,449,994,545
3. Bond conversion options	413		-	-
4. Other sources of capital	414		-	-
5. Treasury shares	415		(120,000)	(120,000)
6. Differences on asset revaluation	416		-	-
7. Foreign exchange differences	417		-	-
8. Investment and development fund	418		71,405,479,754	63,033,147,493
9. Business arrangement supporting fund	419		-	-
10. Other funds	420		-	-
11. Retained earnings	421		14,686,127,685	26,907,774,204
- Retained earnings accumulated to the end of the previous period	421a		-	26,907,774,204
- Retained earnings of the current period	421b		14,686,127,685	-
12. Construction investment fund	422		-	-
II. Other sources and funds	430		-	-
1. Sources of expenditure	431		-	-
2. Fund to form fixed assets	432		-	-
TOTAL RESOURCES	440		400,139,079,527	400,096,828,432

Prepared by

Chief Accountant

Prepared on 13 August 2025



Tran Thi Que Lam



Phan Van Toan



Le Xuan Tho

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

INTERIM INCOME STATEMENT

(Full form)

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
			Current year	Previous year
1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services	01	VI.1	418,272,334,873	383,211,273,852
2. Revenue deductions	02		311,100	64,842,460
3. Net revenue from sales of merchandise and rendering of services	10		418,272,023,773	383,146,431,392
4. Costs of sales	11	VI.2	379,196,180,076	346,511,352,665
5. Gross profit/ (loss) from sales of merchandise and rendering of services	20		39,075,843,697	36,635,078,727
6. Financial income	21	VI.3	1,404,110,446	1,601,819,592
7. Financial expenses	22	VI.4	3,121,418,743	2,796,131,588
In which: Interest expenses	23		2,974,225,774	2,639,929,310
8. Selling expenses	25	VI.5	10,297,491,003	8,819,732,630
9. General and administration expenses	26	VI.6	8,798,568,538	9,450,607,718
10. Net operating profit/ (loss)	30		18,262,475,859	17,170,426,383
11. Other income	31		389,413,805	127,724,455
12. Other expenses	32		270,294,241	83,353,559
13. Other profit/ (loss)	40		119,119,564	44,370,896
14. Total accounting profit/ (loss) before tax	50		18,381,595,423	17,214,797,279
15. Current income tax	51	V.8	3,695,467,738	3,457,602,616
16. Deferred income tax	52		-	-
17. Profit/ (loss) after tax	60		14,686,127,685	13,757,194,663
18. Basic earnings per share	70	VI.7	1,535	1,030
19. Diluted earnings per share	71	VI.7	1,535	1,030

Prepared by

Chief Accountant

Prepared on 13 August 2025

Director

Tran Thi Que Lam

Phan Van Toan

Le Xuan Tho



VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

INTERIM CASH FLOW STATEMENT

(Full form)

(Direct method)

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
			Current year	Previous year
I. Cash flows from operating activities				
1. Cash inflows from sales of merchandise, rendering of services and other income	01		470,120,141,029	408,489,284,049
2. Cash outflows for suppliers	02		(358,921,065,035)	(322,003,471,222)
3. Cash outflows for employees	03		(65,168,744,814)	(63,381,691,366)
4. Interests paid	04		(2,998,636,564)	(2,643,367,083)
5. Corporate income tax paid	05	V.8	(3,927,950,279)	(4,832,519,124)
6. Other cash inflows from operating activities	06		674,537,458	667,377,562
7. Other cash outflows from operating activities	07		(17,081,645,135)	(16,061,607,571)
<i>Net cash flows from operating activities</i>	<i>20</i>		<i>22,696,636,660</i>	<i>234,005,245</i>
II. Cash flows from investing activities				
1. Purchases and construction of fixed assets and other non-current assets	21		(1,807,547,719)	(8,056,961,632)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other non-current assets	22		-	-
3. Cash outflows for lending, buying debt instruments of other entities	23		-	-
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24		-	-
5. Investments in other entities	25		-	-
6. Withdrawals of investments in other entities	26		-	-
7. Interests earned, dividends and profits received	27		-	-
<i>Net cash flows from investing activities</i>	<i>30</i>		<i>(1,807,547,719)</i>	<i>(8,056,961,632)</i>

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Interim Cash Flow Statement (cont.)

ITEMS	Code	Note	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
			Current year	Previous year
III. Cash flows from financing activities				
1. Proceeds from issuing stocks and capital contributions from owners	31		-	-
2. Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32		-	-
3. Proceeds from borrowings	33	V.11	390,843,879,180	365,447,473,777
4. Repayment for loan principal	34	V.11	(405,321,024,094)	(350,565,455,995)
5. Payments for finance lease assets	35		-	-
6. Dividends and profits paid to the owners	36		(6,620,450,400)	(6,534,309,420)
Net cash flows from financing activities	40		(21,097,595,314)	8,347,708,362
Net cash flows during the period	50		(208,506,373)	524,751,975
Beginning cash and cash equivalents	60	V.1	3,819,935,852	489,384,850
Effects of fluctuations in foreign exchange rates	61		25,427	(15,023)
Ending cash and cash equivalents	70	V.1	3,611,454,906	1,014,121,802

Prepared on 13 August 2025

Prepared by

Chief Accountant

Director



Tran Thi Que Lam



Phan Van Toan



Le Xuan Tho

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

I. GENERAL INFORMATION

1. Ownership form

Vinh Plastic and Bags Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") is a joint stock company.

2. Operating fields

The Company operates in the field of industrial production.

3. Principal business activities

The principal business activities of the Company include printing packaging; manufacturing, trading cement bags, PP, PE bags and plastic products;

4. Normal operating cycle

The normal operating cycle of the Company is within 12 months.

5. Statement on information comparability in the Financial Statements

The corresponding figures of the previous period are comparable to those of the current period.

6. Employees

As of the balance sheet date, there were 814 employees working for the Company (at the beginning of the year: 886 employees).

II. FISCAL YEAR AND ACCOUNTING CURRENCY

1. Fiscal year

The fiscal year of the Company is from 1 January to 31 December annually.

2. Accounting currency unit

The accounting currency unit is Vietnam Dong (VND) because payments and receipts of the Company are primarily made in VND.

III. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

1. Accounting System

The Company applies the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 as well as other Circulars guiding the implementation of the Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Interim Financial Statements.

2. Statement on the compliance with the Accounting Standards and System

The Board of Management ensures the compliance with all the requirements of the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 as well as other Circulars guiding the implementation of the Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Interim Financial Statements.

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Financial Statements (Cont.)

IV. ACCOUNTING POLICIES

1. Basis of preparation of the Financial Statements

All the Financial Statements are prepared on the accrual basis (except for the information related to cash flows).

The Interim Financial Statements have been prepared in both Vietnamese and English, in which the Interim Financial Statements in Vietnamese are the official statutory financial statements of the Company. The Interim Financial Statements in English have been translated from the Vietnamese version. In the event of any discrepancy between the two versions, the Vietnamese version shall prevail.

2. Foreign currency transactions

Transactions in foreign currencies are translated at the actual exchange rates ruling as of the transaction dates. The ending balances of monetary items in foreign currencies are translated at the actual exchange rates ruling as of the balance sheet date.

Foreign exchange differences arising from foreign currency transactions during the year shall be included into financial income or financial expenses. Foreign exchange differences due to the revaluation of ending balances of the monetary items in foreign currencies after offsetting their positive differences against negative differences shall be included into financial income or financial expenses.

The exchange rate used to translate foreign currency transactions is the actual exchange rate ruling as of the time of these transactions. The actual exchange rates applied to foreign currency transactions are as follows:

- For receivables: the buying rate ruling as of the time of transaction of the commercial bank where the Company designates the customers to make payments.
- For payables: the selling rate ruling as of the time of transaction of the commercial bank where the Company supposes to make payments.
- For acquisition of assets or immediate payments in foreign currency (not included into payable accounts): the buying rate of the commercial bank where the Company makes payments.

The exchange rate used to revalue ending balances of monetary items in foreign currencies as of the balance sheet date is determined as follows:

- For foreign currency deposits in banks: the buying rate of the bank where the Company opens its foreign currency account.
- For monetary items in foreign currencies classified as other assets: the buying rate of Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam ("Vietcombank") where the Company frequently conducts transactions.
- For monetary items in foreign currencies classified as payables: the selling rate of Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam ("Vietcombank") where the Company frequently conducts transactions.

3. Cash

Cash includes cash on hand and demand deposits in banks.

4. Receivables

Receivables are recognized at the carrying amounts less allowances for doubtful debts.

The classification of receivables as trade receivables and other receivables is made according to the following principles:

- Trade receivables reflect receivables concerning the commercial nature arising from purchase and sale transactions between the Company and customers who are independent to the Company.
- Other receivables reflect receivables not concerning the commercial nature and irrelevant to purchase and sale transactions.

TRÁI KIỂM ĐÓNG

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Financial Statements (Cont.)

Allowance is made for each doubtful debt after being offset against liabilities (if any). The allowance rate is based on the debts' overdue period or the estimated loss, as follows:

- As for overdue debts:
 - 30% of the value of debts with the overdue period from 6 months to under 1 year.
 - 50% of the value of debts with the overdue period from 1 year to under 2 years.
 - 70% of the value of debts with the overdue period from 2 years to under 3 years.
 - 100% of the value of debts with the overdue period from or over 3 years.
- As for the debts that are not overdue, but considered as doubtful debts: Allowance is made on the basis of the estimated loss.

Increases/ (decreases) in the allowance for doubtful debts to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "General and administration expenses".

5. Inventories

Inventories are recognized at the lower of cost and net realizable value.

Costs of inventories are determined as follows:

- For materials and merchandise: Costs comprise costs of purchases and other directly attributable costs incurred in bringing the inventories to their present location and conditions.
- For work in progress: Costs comprise main materials, labor and other directly attributable costs.
- For finished goods: Costs comprise costs of materials, direct labor and directly attributable general manufacturing expenses allocated on the basis of normal operation.

The cost of inventories is determined using the weighted average method and recorded in accordance with the perpetual inventory system.

Net realizable value is the estimated selling price of inventories in the ordinary course of business less the estimated costs of completion and the estimated costs necessary to make the sale.

Allowance for inventories is recognized for each type of inventories when their costs are higher than their net realizable value. Increases/ (decreases) in the allowance for inventories to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "Costs of sales".

6. Prepaid expenses

Prepaid expenses comprise actual expenses arising and relevant to financial performance in several accounting periods. These prepaid expenses are allocated to the prepayment term or term in which corresponding economic benefit is derived from these expenses.

The Company's prepaid expenses primarily include:

Tools

Expenses for tools in use are allocated to expenses using the straight-line method the maximum period of 3 years.

Insurance premiums

Insurance premiums are allocated over the term on the insurance policy.

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Financial Statements (Cont.)

Expenses for fixed asset repairs

Expenses for fixed asset repairs arising once with high value are allocated to expenses using the straight-line method in 3 years.

Prepaid land rental

Prepaid land rental reflects the rental already paid for the land being used by the Company and is allocated to expenses using the straight-line method over the lease term.

7. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated depreciation. Historical costs of tangible fixed assets include all the expenses paid by the Company to bring the asset to its working condition for its intended use. Other expenses arising subsequent to initial recognition are included into historical costs of fixed assets only if it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in future economic benefits expected to be obtained from the use of these assets. Those which do not meet the above conditions will be recorded into operating expenses during the period.

When a tangible fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the period.

Tangible fixed assets are depreciated in accordance with the straight-line method over their estimated useful lives. The depreciation years applied are as follows:

<u>Class of fixed assets</u>	<u>Years</u>
Buildings and structures	03 – 15
Machinery and equipment	03 – 10
Vehicles	03 – 06
Office equipment	03 – 05
Other fixed assets	02

8. Payables and accrued expenses

Payables and accrued expenses are recorded based on the amounts payable for merchandise and services already used. Accrued expenses are recorded based on reasonable estimates for the amounts payable.

The classification of payables as trade payables, accrued expenses, and other payables is made on the basis of following principles:

- Trade payables reflect payables of commercial nature arising from the purchase of merchandise, services, or assets and the seller is an independent entity with the Company;
- Accrued expenses reflect expenses for merchandise, services received from suppliers or supplied to customers but have not been paid, invoiced or lack of accounting records and supporting documents; pay on leave payable to employees; and accrual of operating expenses;
- Other payables reflect payables of non-commercial nature and irrelevant to purchase, sales of merchandise or rendering of services.

Payables and accrued expenses are classified into short-term and long-term ones in the Interim Balance Sheet based on the remaining terms as of the balance sheet date.

9. Owner's equity

Owner's contribution capital

Owner's contribution capital is recorded according to the actual amounts invested by shareholders.

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Financial Statements (Cont.)

Share premiums

The differences between the issuance price and face value upon the IPO, additional issue or the difference between the re-issuance price and carrying value of treasury shares and the equity component of convertible bonds upon maturity date are recognized into share premiums. Expenses directly attributable to the additional issue of shares and the re-issuance of treasury shares are recorded as a decrease in share premiums.

Treasury shares

When the Company reacquires its own equity instrument, purchasing costs including the expenses related to the transaction are recorded as treasury shares and shall be deducted from owner's equity. When treasury shares are re-issued, the difference between their re-issuance price and carrying value is recorded in share premiums.

10. Profit distribution

Profit after tax is distributed to the shareholders after appropriation for funds under the Charter of the Company as well as legal regulations and approved by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profits to the shareholders is made in consideration of non-cash items in retained earnings that may affect cash flows and the ability to pay dividends such as profit from revaluation of assets invested in other entities, profit from revaluation of monetary items, financial instruments and other non-cash items.

Dividend is recorded as payables upon approval of the General Meeting of Shareholders.

11. Recognition of revenue and income

Revenue from sales of merchandise, finished goods

Revenue from sales of merchandise, finished goods shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The Company has transferred most of risks and benefits incident to the ownership of merchandise or products to customers;
- The Company retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with ownership nor effective control over the merchandise, products sold;
- The amount of revenue can be measured reliably. When the contract stipulates that the buyer has right to return merchandise, products purchased under specific conditions, revenue is recognized only when those specific conditions no longer exist and the buyer retains no right to return merchandise, products (except for the case that the customer has the right to return the merchandise or products in exchange for other merchandise or services);
- It is probable that the economic benefits associated with sale transactions will flow to the Company;
- The cost incurred or to be incurred in respect of the sale transaction can be measured reliably.

Interest

Interest is recorded, based on the term and the actual interest rate applied in each particular period.

12. Borrowing costs

Borrowing costs are interest expenses and other costs that the Company directly incurs in connection with the borrowings. Borrowing costs are recorded as expenses when incurred.

13. Expenses

Expenses are those that result in outflows of the Company's economic benefits and are recorded at the time of transactions or when incurrence of the transaction is reliable regardless of whether payment for expenses is made or not.

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Financial Statements (Cont.)

Expenses and their corresponding revenues are simultaneously recognized in accordance with matching principle. In the event that matching principle conflicts with prudence principle, expenses are recognized based on the nature and regulations of accounting standards in order to guarantee that transactions can be fairly and truly reflected.

14. Corporate income tax

Corporate income tax only includes current income tax, which is the tax amount computed based on the taxable income. Taxable income is different from accounting profit due to the adjustments of temporary differences between tax and accounting figures, non-deductible expenses as well as those of non-taxable income and losses brought forward.

15. Related parties

Parties are considered to be related parties in case that one party is able to control the other party or has significant influence on the financial and operating decisions of the other party. Parties are also considered to be related parties in case that they are under the common control or under the common significant influence.

In considering each possible related party relationship, attention is directed to the substance of the relationship and not merely the legal form.

16. Segment reporting

A business segment is a distinguishable component of the Company that is engaged in manufacturing or providing products or services and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component of the Company that is engaged in manufacturing or providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of components operating in other economic environments.

The segment information is prepared and presented in conformity with the accounting policy applied for the preparation and presentation of the Company's Interim Financial Statements.

V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE INTERIM BALANCE SHEET

1. Cash and cash equivalents

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Cash on hand	354,324,719	204,984,270
Demand deposits in banks	3,257,130,187	3,614,951,582
Total	<u>3,611,454,906</u>	<u>3,819,935,852</u>

2. Short-term trade receivables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Vicem Hoang Mai Cement JSC.	23,425,250,070	26,878,515,012
Vicem But Son Cement JSC.	34,302,371,714	44,356,017,651
Kaito Vietnam Concrete Co., Ltd.	39,477,065,121	29,436,270,318
Xuan Thanh Trading Investment Co., Ltd.	20,933,475,565	21,367,010,765
Other customers	78,145,248,494	100,547,115,893
Total	<u>196,283,410,964</u>	<u>222,584,929,639</u>

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Financial Statements (Cont.)*Of which:*

<i>Trade receivable from domestic location</i>	<i>184,963,374,209</i>	<i>199,626,269,204</i>
<i>Trade receivable from foreign location</i>	<i>11,320,036,755</i>	<i>22,958,660,435</i>
Total	<u>196,283,410,964</u>	<u>222,584,929,639</u>

The entire ending balance of circulating receivable has been pledged as collateral for the Company's bank loans (*Note V.11*).

3. Allowance for doubtful debts

	Ending balance		Beginning balance	
	Value	Allowance	Value	Allowance
Polyester Fabric SDN BHD	231,729,024	(112,787,000)	225,574,001	(112,787,000)
Thua Thien Hue Agricultural Material JSC.	1,087,767,911	(513,780,388)	1,087,767,911	(513,780,388)
Total	<u>1,319,496,935</u>	<u>(626,567,388)</u>	<u>1,313,341,912</u>	<u>(626,567,388)</u>

Fluctuations in allowance for short-term doubtful debts are as follows:

	Current period	Previous period
Beginning balance	626,567,388	341,330,375
Additional allowance	-	587,230,443
Ending balance	<u>626,567,388</u>	<u>928,560,818</u>

4. Inventories

	Ending balance		Beginning balance	
	Original cost	Allowance	Original cost	Allowance
Goods in transit	1,210,720,500	-	215,684,025	-
Materials and supplies	50,251,910,380	-	36,049,726,087	-
Tools	3,764,577,637	-	3,801,981,211	-
Work in progress	44,660,566,108	-	39,295,829,561	-
Finished goods	12,445,418,652	-	6,414,089,942	-
Total	<u>112,333,193,277</u>	<u>-</u>	<u>85,777,310,826</u>	<u>-</u>

The entire ending balance of circulating inventories at three factories has been pledged as collaterals for the Company's bank loans (*Note V.11*).

5. Prepaid expenses**5a. Short-term prepaid expenses**

	Ending balance	Beginning balance
Expenses for tools	186,312,974	676,575,616
Insurance premiums	61,900,601	217,528,117
Expenses for repairs	546,535,849	236,341,238
Land rental	252,585,000	-
Other expenses	38,680,557	16,041,660
Total	<u>1,086,014,981</u>	<u>1,146,486,631</u>

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Financial Statements (Cont.)**5b. Long-term prepaid expenses**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Expenses for tools	1,003,851,737	711,031,226
Expenses for repairs	297,080,443	462,529,432
Land rental (*)	2,208,393,801	2,263,374,560
Total	<u>3,509,325,981</u>	<u>3,436,935,218</u>

(*) This represents the land rental for the Factory No. 2 in Gia Lach Industrial Park, Nghi Xuan Commune, Ha Tinh Province from 1 April 2011 to 1 August 2045, which is offset against the expenses for site clearance paid by the Company.

6. Tangible fixed assets

	<u>Buildings and structures</u>	<u>Machinery and equipment</u>	<u>Vehicles</u>	<u>Office equipment</u>	<u>Other fixed assets</u>	<u>Total</u>
Historical costs						
Beginning balance	58,579,891,019	230,381,035,869	9,127,808,130	1,029,332,143	50,290,000	299,168,357,161
New acquisition	-	705,713,320	902,985,000	-	-	1,608,698,320
Ending balance	<u>58,579,891,019</u>	<u>231,086,749,189</u>	<u>10,030,793,130</u>	<u>1,029,332,143</u>	<u>50,290,000</u>	<u>300,777,055,481</u>
<i>In which:</i>						
Assets fully depreciated but still in use	30,365,013,431	105,014,302,988	7,665,104,909	1,029,332,143	50,290,000	144,124,043,471
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-
Depreciation						
Beginning balance	48,392,409,985	172,235,624,109	8,024,739,580	1,029,332,143	50,290,000	229,732,395,817
Depreciation during the period	1,129,857,154	6,458,120,883	422,645,546	-	-	8,010,623,583
Ending balance	<u>49,522,267,139</u>	<u>178,693,744,992</u>	<u>8,447,385,126</u>	<u>1,029,332,143</u>	<u>50,290,000</u>	<u>237,743,019,400</u>
Net book value						
Beginning balance	10,187,481,034	58,145,411,760	1,103,068,550	-	-	69,435,961,344
Ending balance	<u>9,057,623,880</u>	<u>52,393,004,197</u>	<u>1,583,408,004</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>63,034,036,081</u>
<i>In which:</i>						
Assets temporarily not in use	-	-	-	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-

Some tangible fixed assets with the net book value of VND 47,201,828,001 have been pledged as collaterals for the Company's bank loans (Note V.11).

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Financial Statements (Cont.)**7. Short-term trade payables**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	<i>1,450,069,830</i>	<i>1,928,704,068</i>
An Vinh Packaging JSC.	1,450,069,830	1,928,704,068
<i>Payables to other suppliers</i>	<i>107,316,841,680</i>	<i>91,055,859,276</i>
Kanetora JSC.	16,912,800,000	-
Marubeni Vietnam Co., Ltd.	16,391,700,000	5,961,600,000
Minh Hoang Co., Ltd.	12,340,888,280	13,500,670,306
Tuan Tai Trading One Member Co., Ltd.	11,616,067,656	-
Thanh Dung Co., Ltd.	10,319,201,580	5,942,724,408
Da Nang Chemical and Plastic JSC.	8,781,400,000	11,364,850,000
Dong A Bac Ninh Co., Ltd.	4,070,145,024	28,847,069,460
Other suppliers	26,884,639,140	25,438,945,102
Total	108,766,911,510	92,984,563,344

8. Taxes and other obligations to the State Budget

	<u>Beginning balance</u>		<u>Incurred during the period</u>		<u>Ending balance</u>	
	<u>Payable</u>	<u>Receivable</u>	<u>Amount payable</u>	<u>Amount already paid</u>	<u>Payable</u>	<u>Receivable</u>
VAT on local sales	-	-	3,486,523,547	(3,486,523,547)	-	-
Import duty	-	-	32,143,864	(32,143,864)	-	-
Corporate income tax	3,348,509,543	-	3,695,467,738	(3,927,950,279)	3,116,027,002	-
Personal income tax	-	572,542,888	1,110,147,414	(602,286,058)	-	64,681,532
Land rental, property tax	-	22,738,060	505,170,000	(355,422,300)	127,009,640	-
Other taxes	-	-	4,000,000	(4,000,000)	-	-
Total	3,348,509,543	595,280,948	8,833,452,563	(8,408,326,048)	3,243,036,642	64,681,532

Value added tax ("VAT")

The Company has to pay VAT in accordance with the deduction method. VAT rates applied to exports and local sales are 0% and 10%, respectively.

Corporate income tax ("CIT")

The Company has to pay CIT for taxable income at the rate of 20%.

Estimated CIT payable during the period is as follows:

	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Total accounting profit before tax	18,381,595,423	17,214,797,279
Increases/ (decreases) of accounting profit to determine income subject to tax:		
- Increases	120,968,602	126,071,852
- Decreases	(25,225,333)	(52,856,052)
Income subject to tax	18,477,338,692	17,288,013,079
CIT rate	20%	20%
CIT to be paid	3,695,467,738	3,457,602,616

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Financial Statements (Cont.)

The CIT liability of the Company is determined based on the prevailing regulations on taxes. However, these regulations may change from time to time and regulations applicable to variety of transactions can be interpreted differently. Therefore, the tax amount presented in the Interim Financial Statements could change when being inspected by the Tax Office.

Land rental

Land rental is paid according to the notices of the tax department. Including:

- Land rental for the Factory No. 1 in Truong Vinh Ward, Nghe An Province with an area of 11,794.5 m² is VND 505,170,230 per year.
- Land rental for the Factory No. 2 in Gia Lach Industrial Park, Nghi Xuan Commune, Ha Tinh Province is VND 109,961,517 per year, which is offset against the expenses for site clearance paid by the Company.

Property tax

Property tax is paid according to the notices of the Tax Office.

Other taxes

The Company declares and pays these taxes in line with the prevailing regulations.

9. Short-term accrued expenses

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Accrued paid leave and performance-based salaries	1,958,180,548	-
Accrued loan interest expenses	51,023,853	75,434,643
Other short-term accrued expenses	-	1,051,404,487
Total	<u>2,009,204,401</u>	<u>1,126,839,130</u>

10. Other short-term payables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Payables to related parties	6,976,659,600	94,342,709
Economic Cooperation Corporation – Dividends payable	6,879,477,600	-
Allowance for the Board of Directors, the Board of Supervisors	97,182,000	94,342,709
Payables to other organizations and individuals	2,831,957,008	1,138,699,398
Trade Union's expenditure	1,363,272,039	1,128,216,875
Social insurance premiums, health insurance premiums, unemployment insurance premiums	214,684,424	-
Other short-term payables	1,254,000,545	10,482,523
Total	<u>9,808,616,608</u>	<u>1,233,042,107</u>

11. Short-term borrowings

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Short-term loans from banks	75,676,743,433	94,162,588,348
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam ("Vietcombank") – Nghe An Branch ⁽ⁱ⁾	68,051,743,433	76,415,614,085
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade ("Vietinbank") – Vinh City Branch ⁽ⁱⁱ⁾	7,625,000,000	17,746,974,263
Short-term loans from individuals ⁽ⁱⁱⁱ⁾	14,962,000,000	9,962,000,000

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Financial Statements (Cont.)

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Current portions of long-term loans</i>	<i>52,337,905</i>	<i>1,043,637,905</i>
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam ("Vietcombank") – Nghe An Branch	-	886,800,000
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade ("Vietinbank") – Vinh City Branch	52,337,905	156,837,905
Total	<u>90,691,081,338</u>	<u>105,168,226,253</u>

The Company has solvency to repay short-term borrowings.

- (i) A loan from Vietcombank – Nghe An Branch to supplement working capital with the credit limit of no more than VND 140 billion and USD 4,000,000; the interest rate as specified in each bill of debt, the term for each disbursement of no more than 4 months. The loan is secured by assets attached to land, the Company's machinery and equipment and all circulating inventories during the production process.
- (ii) A loan from Vietinbank – Vinh City Branch to supplement working capital for business and production activities with the credit limit of no more than VND 65 billion; the interest rate as specified in each bill of debt, the term for each disbursement of no more than 5 months. The loan is secured by a number of land use rights and assets attached to land, and the Company's machinery and equipment.
- (iii) Unsecured loans from individuals to serve business and production activities, with an interest rate of 6% per year, a term of under 12 months.

Details of increases/ (decreases) in short-term borrowings during the period are as follows:

	<u>Short-term loans from banks</u>	<u>Short-term loans from individuals</u>	<u>Current portions of long-term loans</u>	<u>Total</u>
Beginning balance	94,162,588,348	9,962,000,000	1,043,637,905	105,168,226,253
Amount of loans incurred during the period	385,835,255,579	5,000,000,000	-	390,835,255,579
Amount of loans repaid during the period	(404,329,724,094)	-	(991,300,000)	(405,321,024,094)
Foreign exchange differences due to revaluation of ending balance of loans in foreign currencies	8,623,601	-	-	8,623,601
Total	<u>75,676,743,433</u>	<u>14,962,000,000</u>	<u>52,337,905</u>	<u>90,691,081,338</u>

12. Bonus and welfare funds

	<u>Beginning balance</u>	<u>Increase due to appropriation from profit</u>	<u>Disbursement during the period</u>	<u>Ending balance</u>
Bonus fund	1,117,655,159	1,740,786,589	-	2,858,441,748
Welfare fund	1,711,280,333	3,061,835,374	(4,428,150,000)	344,965,707
Executive Officers' bonus fund	-	232,891,980	(232,891,980)	-
Total	<u>2,828,935,492</u>	<u>5,035,513,943</u>	<u>(4,661,041,980)</u>	<u>3,203,407,455</u>

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Financial Statements (Cont.)**13. Owner's equity****13a. Statement of changes in owner's equity**

	Owner's contribution capital	Share premiums	Treasury shares	Investment and development fund	Retained earnings	Total
Beginning balance of the previous year	74,999,720,000	1,449,994,545	(120,000)	54,612,315,540	26,744,439,843	157,806,349,928
Profit of the previous period	-	-	-	-	13,757,194,663	13,757,194,663
Appropriation for funds	-	-	-	8,420,831,953	(13,244,511,843)	(4,823,679,890)
Dividends declared	-	-	-	-	(13,499,928,000)	(13,499,928,000)
Ending balance of the previous period	74,999,720,000	1,449,994,545	(120,000)	63,033,147,493	13,757,194,663	153,239,936,701
Beginning balance of the current year	74,999,720,000	1,449,994,545	(120,000)	63,033,147,493	26,907,774,204	166,390,516,242
Profit of the current period	-	-	-	-	14,686,127,685	14,686,127,685
Appropriation for funds	-	-	-	8,372,332,261	(13,407,846,204)	(5,035,513,943)
Dividends declared	-	-	-	-	(13,499,928,000)	(13,499,928,000)
Ending balance of the current period	74,999,720,000	1,449,994,545	(120,000)	71,405,479,754	14,686,127,685	162,541,201,984

13b. Details of owners' contribution capital

	Ending balance	Beginning balance
Economic Cooperation Corporation	38,219,320,000	38,219,320,000
An Phat Bioplastics JSC.	26,133,190,000	26,133,190,000
Other shareholders	10,647,090,000	10,647,090,000
Total	74,999,600,000	74,999,600,000

13c. Shares

	Ending balance	Beginning balance
Number of shares registered to be issued	7,499,972	7,499,972
Number of shares already issued	7,499,972	7,499,972
- Ordinary shares	7,499,972	7,499,972
- Preferred shares	-	-
Number of shares repurchased	12	12
- Ordinary shares	12	12
- Preferred shares	-	-
Number of outstanding shares	7,499,960	7,499,960
- Ordinary shares	7,499,960	7,499,960
- Preferred shares	-	-

Face value per outstanding share: VND 10,000.

13d. Profit distribution

During the period, the Company distributed 2024 profit in accordance with the Resolution of 2025 Annual General Meeting of Shareholders No. 01/NQ-DHDCD dated 24 April 2025, as follows:

	VND
• Dividends declared to shareholders (18% of charter capital)	: 13,499,928,000
• Appropriation for investment and development fund (30% of profit after tax)	: 8,372,332,261
• Appropriation for bonus fund	: 1,740,786,589
• Appropriation for welfare fund (in 2024, provisionally appropriated, amounting to VND 1,000,000,000)	: 3,061,835,374
• Appropriation for Executive Officers' bonus fund	: 232,891,980

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Financial Statements (Cont.)**14. Off-Interim Balance Sheet items****14a. Foreign currencies**

As of the balance sheet date, cash included USD 135.21 (beginning balance: USD 7,298.05).

14b. Resolved doubtful debts

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Truong Yen Co., Ltd.	258,997,370	258,997,370
Binh Dinh Constrexim JSC.	232,470,000	232,470,000
Total	<u>491,467,370</u>	<u>491,467,370</u>

VI. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE INTERIM INCOME STATEMENT**1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services**

	<u>Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period</u>	
	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Revenue from sales of merchandise	20,222,609,319	5,076,749,229
Revenue from sales of finished goods	398,049,725,554	378,134,524,623
Total	<u>418,272,334,873</u>	<u>383,211,273,852</u>

2. Costs of sales

	<u>Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period</u>	
	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Costs of merchandise sold	17,679,812,288	4,668,790,643
Costs of finished goods sold	361,516,367,788	341,842,562,022
Total	<u>379,196,180,076</u>	<u>346,511,352,665</u>

3. Financial income

	<u>Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period</u>	
	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Interests from demand deposits in banks	14,452,607	1,569,284
Exchange gain arising from transactions in foreign currencies	1,384,065,878	1,467,456,432
Exchange gain due to revaluation of monetary items in foreign currencies	5,591,961	132,793,876
Total	<u>1,404,110,446</u>	<u>1,601,819,592</u>

4. Financial expenses

	<u>Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period</u>	
	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Interest expenses	2,974,225,774	2,639,929,310
Exchange loss arising from transactions in foreign currencies	129,633,618	143,206,327
Other expenses	17,559,351	12,995,951
Total	<u>3,121,418,743</u>	<u>2,796,131,588</u>

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Financial Statements (Cont.)**5. Selling expenses**

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Labor costs	844,813,577	672,905,952
Materials, packaging	1,550,304,833	1,530,598,526
Depreciation/amortization of fixed assets	349,358,604	36,698,586
Expenses for transportation	5,329,378,151	5,654,717,743
Expenses for external services	1,414,776,307	295,795,457
Other expenses	808,859,531	629,016,366
Total	10,297,491,003	8,819,732,630

6. General and administration expenses

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Labor costs	5,053,897,195	4,925,189,768
Materials, supplies	242,093,236	323,506,319
Office supplies	94,167,281	121,724,322
Depreciation/amortization of fixed assets	11,279,001	7,300,002
Taxes, fees and legal fees	328,365,033	105,079,925
Allowance for doubtful debts	-	587,230,443
Expenses for external services	363,145,854	332,648,337
Other expenses	2,705,620,938	3,047,928,602
Total	8,798,568,538	9,450,607,718

7. Earnings per share ("EPS")**7a. Basic/diluted EPS**

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year (*)
Accounting profit after corporate income tax	14,686,127,685	13,757,194,663
Appropriation for bonus and welfare funds and Executive Officers' bonus fund (*)	(3,176,116,009)	(6,035,513,943)
Profit used to calculate basic/diluted EPS	11,510,011,676	7,721,680,720
Weighted average number of ordinary shares outstanding during the period	7,499,960	7,499,960
Basic/diluted EPS	1,535	1,030

(*) The basic/diluted EPS of the previous period was recalculated due to the deduction of the appropriation for bonus and welfare funds and Executive Officers' bonus fund in accordance with the Resolution of 2025 Annual General Meeting of Shareholders. This adjustment resulted in a decrease of the basic/diluted EPS of the previous period from VND 1,432 to VND 1,030.

For the purpose of presenting the "Basic EPS" item of the current period, bonus and welfare funds and Executive Officers' bonus fund are provisionally calculated at the rates of 6%, 15% and 0.8% of the current period's after-tax profit of the Company, respectively, with the rate being determined based on the appropriation rate of 2024.

7b. Other information

There have not been any transactions of ordinary shares or potential transactions of ordinary shares from the balance sheet date to the disclosure date of these Interim Financial Statements.

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Financial Statements (Cont.)**8. Operating costs by factors**

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Materials and supplies	282,264,932,385	274,621,321,532
Labor costs	70,390,721,583	64,827,585,822
Depreciation/amortization of fixed assets	8,010,623,583	7,629,733,266
Expenses for external services	26,273,508,041	25,047,306,235
Other expenses	5,068,706,994	5,354,599,795
Total	392,008,492,586	377,480,546,650

VII. OTHER DISCLOSURES**1. Transactions and balances with the related parties**

The related parties of the Company include the key managers, their related individuals and other related parties.

1a. Transactions and balances with the key managers and their related individuals

The key managers include the members of the Board of Directors ("BOD"), the Board of Supervisors ("BOS"), the Board of Management ("BOM") and the Chief Accountant. The key managers' related individuals are their close family members.

The Company has no transactions with the key managers and their related individuals. Outstanding balances with the key managers are presented in Note V.10.

Compensation of the key managers

	Position	Salary	Bonus	Allowance	Total compensation
Current period					
Board of Directors and Board of Management					
Mr. Ngo Quang Viet	Chairman (from 4 April 2025)	-	-	18,720,000	18,720,000
Mr. Nguyen Huu Son	Chairman (to 4 April 2025)	114,105,865	43,905,866	-	158,011,731
Mr. Le Xuan Tho	Member cum Director	231,105,865	43,905,866	28,080,000	303,091,731
Mr. Truong Dac Thanh	Member cum Deputy Director	202,399,013	38,179,013	28,080,000	268,658,026
Mr. Nguyen Trung Kien	Member	26,458,056	26,725,309	28,080,000	81,263,365
Ms. Pham Nguyet Minh	Member	26,458,056	26,725,309	28,080,000	81,263,365
Mr. Phan Van Toan	Chief Accountant	175,405,309	26,725,309	-	202,130,618
Board of Supervisors					
Mr. Tran Ngoc Sam	Head of BOS	175,405,309	26,725,309	-	202,130,618
Ms. Dong Thi Ha	Member	-	-	22,302,000	22,302,000
Ms. Nguyen Thi Minh Trang	Member	-	-	22,302,000	22,302,000
Total		951,337,473	232,891,980	175,644,000	1,359,873,453

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Financial Statements (Cont.)

	Position	Salary	Bonus	Allowance	Total compensation
Previous period					
Board of Directors and Board of Management					
Mr. Nguyen Huu Son	Chairman (to 4 April 2025)	210,600,000	36,558,030	-	247,158,030
Mr. Le Xuan Tho	Member cum Director	187,200,000	40,039,748	28,080,000	255,319,748
Mr. Truong Dac Thanh	Member cum Deputy Director	164,220,000	33,076,313	28,080,000	225,376,313
Mr. Nguyen Trung Kien	Member	-	24,372,020	28,080,000	52,452,020
Ms. Pham Nguyet Minh	Member	-	24,372,020	28,080,000	52,452,020
Mr. Phan Van Toan	Chief Accountant	148,680,000	26,112,879	-	174,792,879
Board of Supervisors					
Mr. Tran Ngoc Sam	Head of BOS	148,680,000	24,372,020	-	173,052,020
Ms. Dong Thi Ha	Member	-	-	22,302,000	22,302,000
Ms. Nguyen Thi Minh Trang	Member	-	-	22,302,000	22,302,000
Total		859,380,000	208,903,031	156,924,000	1,225,207,031

1b. Transactions and balances with other related parties

Other related parties of the Company include:

Name	Relationship
Economic Cooperation Corporation	Parent Company
Song Da Truong Son JSC.	Entity with the same Parent Company
An Phat Bioplastics JSC.	Major shareholder
An Tien Industry JSC.	Subsidiary of major shareholder
An Thanh Bicsol JSC.	Subsidiary of major shareholder
An Thanh Bicsol Singapore Pte., Ltd.	Subsidiary of major shareholder
An Vinh Packaging JSC.	Subsidiary of major shareholder

Transactions with other related parties

The Company has transactions with other related parties as follows:

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Song Da Truong Son JSC.		
Purchase of merchandise	-	338,587,425
An Vinh Packaging JSC.		
Purchase of merchandise	5,097,448,250	191,915,300
Economic Cooperation Corporation		
Dividends payable to the Parent Company	6,879,477,600	6,879,477,600
An Phat Bioplastics JSC.		
Dividends payable	4,703,974,200	4,703,974,200

Outstanding balances with other related parties

Outstanding balances with other related parties are presented in Notes V.7 and V.10.

2. Segment information

The Company's segment information is presented according to business segments and geographical segments. The primary reporting format is the geographical segments based on the internal organizational and management structure as well as the system of internal Financial Statements of the Company.

2a. Information on geographical segments

The Company's operations are mainly conducted in the domestic and foreign locations.

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Financial Statements (Cont.)

Information on business results of the geographical segments based on customers' locations of the Company is as follows:

	<u>Domestic segment</u>	<u>Foreign segment</u>	<u>Total</u>
Current period			
Net external revenue	317,633,375,434	100,638,648,339	418,272,023,773
Net inter-segment revenue	-	-	-
Total net revenue	<u>317,633,375,434</u>	<u>100,638,648,339</u>	<u>418,272,023,773</u>
Segment operating profit	21,161,264,909	7,617,087,785	28,778,352,694
Expenses not attributable to segments			(8,798,568,538)
Operating profit			19,979,784,156
Financial income			1,404,110,446
Financial expenses			(3,121,418,743)
Other income			389,413,805
Other expenses			(270,294,241)
Current income tax			(3,695,467,738)
Deferred income tax			-
Profit after tax			<u>14,686,127,685</u>
Previous period			
Net external revenue	287,846,369,368	95,300,062,024	383,146,431,392
Net inter-segment revenue	-	-	-
Total net revenue	<u>287,846,369,368</u>	<u>95,300,062,024</u>	<u>383,146,431,392</u>
Segment operating profit	21,584,342,541	6,231,003,556	27,815,346,097
Expenses not attributable to segments			(9,450,607,718)
Operating profit			18,364,738,379
Financial income			1,601,819,592
Financial expenses			(2,796,131,588)
Other income			127,724,455
Other expenses			(83,353,559)
Current income tax			(3,457,602,616)
Deferred income tax			-
Profit after tax			<u>13,757,194,663</u>

All of the Company's assets and liabilities are primarily generated in the domestic location and serve both the domestic and export markets. Trade receivables from foreign location are presented in Note V.2.

2b. Information on business segments

The Company only operates in a single business segment of packaging and materials for packaging production.

2025
VH
Y
TƯ H
TƯ V
P. H

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 18, Phong Dinh Cang Road, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Financial Statements (Cont.)

3. Subsequent events

There have been no material events after the balance sheet date, which require to make adjustments on the figures or to be disclosed in the Interim Financial Statements.

Prepared on 13 August 2025

Prepared by



Tran Thi Que Lam

Chief Accountant



Phan Van Toan



Director

Le Xuan Tho

